

1

Quan điểm về vai trò vốn trong nước và vốn nước ngoài

Điều mà ai cũng có thể đồng ý với nhau là một nền kinh tế kém phát triển khó mà "cất cánh" được nếu không có sự tham gia của nguồn vốn nước ngoài. Vai trò của nguồn vốn bên ngoài có ý nghĩa quan trọng nhằm hỗ trợ khai thông những cản ngại, tạo sức ạt cho nền kinh tế phát triển. Vì thế, húng ta cũng phải nỗ lực tranh thủ, ận dụng thu hút nguồn vốn nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau.

Tuy nhiên, chúng ta không nên rông chờ và y lại vào nguồn vốn bên ngoài. Trong việc huy động vốn để đầu ư phát triển, chúng ta cần khẳng định nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định. Dù rằng nguồn vốn này òn thấp so với nhu cầu vốn dài hạn cho thời kỳ 1996-2000) và vẫn hãy còn ch ỏ huy động trong hiện tại.

Theo ý kiến của nhiều chuyên gia ỉnh tế trong và ngoài nước, cùng với ỉnh nghiệm của các nước đang phát triển đều cho thấy: Nguồn vốn trong nước vẫn là nguồn vốn có tính chất quyết định. Người dân trong nước chưa ắm đưa vốn ra đầu tư thì người nước ngoài cũng chưa thể mạnh dạn đổ vốn ầu tư vào Việt Nam.

Vốn trong nước chưa dám chấp nhận rủi ro thì cũng khó mà thu hút được vốn nước ngoài kể cả 2 hình thức ODA và FDI.

Dân gian VN ta có câu "Có thóc mới cho mượn gạo". Quan điểm của các nhà tài chính nước ngoài cũng thế.

Hơn nữa, các nhà tài chính quốc tế cũng nhìn vào cách khai thác, sử dụng các nguồn vốn trong nước để quyết định cho vay hoặc viện trợ. Việc huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong nước là 1 nhân tố quyết định tài trợ của các định chế tài chính quốc tế.

Mặt khác, việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong nước là một trong những điều kiện bảo đảm cho nền kinh tế phát triển vững chắc, lâu dài. Nguồn vốn nước ngoài dễ chuyển dịch đến thì cũng dễ chuyển dịch đầu tư đi nơi khác.

Chúng ta cũng cần nỗ lực huy động nguồn vốn trong nước đủ dồi dào để đối tác tương đối, không quá cách biệt với nguồn vốn nước ngoài nhằm hạn chế tình trạng bị chèn ép bất lợi về quyền lợi kinh tế.

Muốn giữ được độc lập, chủ quyền và phát triển vững chắc lâu dài thì cũng phải có một nguồn vốn trong nước tương ứng với vốn nước ngoài đưa vào. Không thể n ỏn nóng gọi vốn nước ngoài đổ ào ạt vào trong khi chưa tạo đủ những điều kiện tiếp nhận để sử dụng có hiệu quả.

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ HUY ĐỘNG VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

TRẦN MINH TRIẾT

Nếu thiếu yếu tố cơ bản đó của nguồn vốn trong nước thì vốn nước ngoài cũng sẽ có rất ít, thậm chí không có để đóng vai trò "đòn bẩy cất cánh"

Quan điểm về vốn ngân sách nhà nước

2

Cần khẳng định việc tách ngân sách nhà nước (NSNN) thành 2 bộ phận: chi tiêu dùng cho xã hội và vốn đầu tư phát triển - cho đến nay đã trở thành một yêu cầu bức thiết trong chiến lược tài chính quốc gia. Riêng bộ phận "vốn đầu tư phát triển" cần có một ông chủ đầu tư thật sự để đi vào nền kinh tế thị trường, hoạt động theo những nguyên tắc, "luật chơi" của cơ chế thị trường.

Chúng tôi thiết nghĩ, đến lúc Nhà nước cần sớm tiến hành việc này vì những lẽ sau đây:

- Chi tiêu dùng cho xã hội là những khoản chi không thu hồi lại được. Trong khi đó vốn đầu tư phát triển không phải là những khoản chi tiêu, chúng được thu hồi lại với một hiệu quả rõ rệt, và cần được theo dõi, đánh giá chặt chẽ theo quan niệm của bất cứ nhà đầu tư nào cũng phải làm.

Vốn đầu tư phát triển của NSNN thực chất là một loại "tư bản nhà nước" vốn của Nhà nước được dùng để tạo ra lợi nhuận cho Nhà nước.

Vì sự khác biệt nhau về tính chất sử dụng như vậy cho nên việc tách vốn đầu tư phát triển thành 1 bộ phận riêng rất cần thiết để có những phương thức quản lý sử dụng thích hợp.

- Hiện nay, nhà nước đang tách dần 2 chức năng: quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh. Vì thế, nguồn vốn đầu tư của NSNN đang được sử dụng qua nhiều kênh (Bộ Tài chính - UBKHNN - Các bộ chuyên ngành...) nay cũng cần giao về một đầu mối để thực hiện chức năng kinh doanh thuần túy.

- NSNN dù dồi dào cũng không thể chịu trách nhiệm vô hạn cho các khoản vay mượn của các XNQD. Khi chuyển qua cơ chế thị trường, đa số các doanh nghiệp dù thuộc thành phần kinh tế nào cũng đều thích chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn của mình. Ngoại trừ một số ngành đặc

biệt buộc doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm vô hạn, nếu có luật định.

Nhà nước khi bước vào thị trường với tư cách là nhà kinh doanh cũng chỉ nên chịu trách nhiệm về những rủi ro đến mức vốn tự có của mình chứ không thể đến mức toàn bộ ngân sách (kể cả phần phải dành ra để chi tiêu dùng cho xã hội).

3

Quan điểm về cơ chế và chính sách tài chính đối với XNQD

Cần nhanh chóng đổi mới cơ chế chính sách tài chính phù hợp theo xu thế đổi mới chuyển sang cơ chế thị trường - chuyển nền tài chính đơn nhất (Nhà nước) sang nền tài chính có nhiều thành phần kinh tế - chuyển cơ chế tài chính theo kiểu tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế tự chủ tài chính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình xóa bỏ bao cấp vốn, vai trò xã hội của vốn ngân sách Nhà nước phải được đặt nặng và đặt đúng chỗ.

Thật ra vấn đề bao cấp vốn, có nên tiếp tục cấp vốn cho những XNQD thua lỗ hay không đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần VII và Đại hội Đảng TP gần đây kết luận. Vì thế, trong "Định hướng phát triển KT.XH TP.HCM đến năm 2000" cũng khẳng định:

+ Trong kinh tế quốc doanh thực hiện rộng rãi hình thức khoán - trước hết là khoán vốn.

+ Trao quyền tự chủ đi đôi với thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát theo pháp luật - đồng thời dùng các biện pháp kinh tế, tạo ra sức ép buộc các cơ sở kinh tế quốc doanh đi vào hiệu quả.

+ Xử lý nghiêm và kịp thời các hiện tượng tiêu cực, lạm dụng, gây hậu quả nghiêm trọng về KT.XH.

+ Giải quyết các đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn thua lỗ kéo dài theo hướng giải thể, thanh lý, chuyển nhượng sở hữu, đồng thời phải tính đến các hậu quả về xã hội.

Vì thế chúng tôi xin kiến nghị:

- Sớm kiên quyết dứt khoát chấm dứt mọi hình thức bao cấp vốn cho các XNQD kể từ khi đã thực hiện việc giao vốn. Đồng vốn được tạo ra từ cơ chế phát hành tiền cũng không nên dùng

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 5



để bù lỗ cho các XNQD. Vốn huy động được thông qua cơ chế thị trường vốn lại càng không thể dành cho các XNQD không biết làm ra hiệu quả thật sự.

Riêng đối với những dự án, những chương trình, những XNQD đang và sẽ có mục tiêu hoạt động là phục vụ những nhu cầu thiết yếu và phúc lợi của nhân dân mà vì lợi nhuận chưa hấp dẫn khu vực tư nhân đầu tư, NSNN cần có những chính sách tài trợ đặc biệt dưới nhiều hình thức.

Nhà nước nói chung và TP.HCM nói riêng - cần xác định đúng các đối tượng được tài trợ đặc biệt và thậm chí cần tăng cường đầu tư vốn đúng mức để các XNQD này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, một cơ chế tài trợ đặc biệt cũng cần được đổi mới về phương thức định mức, kiểm tra kiểm soát và các điều kiện ràng buộc để việc tài trợ không như đưa "gió vào nhà trống".

- Áp dụng cơ chế giao vốn, bảo tồn vốn và thu "Chi phí sử dụng vốn" (không nên dùng từ "thuế vốn" - nếu là "thuế" thì phải có luật định). Cơ chế này đang áp dụng nhưng chưa rõ ràng. Cần xác định vốn được "giao" cho một XNQD là giao cho một pháp nhân tư pháp có quyền đi kiện và bị kiện - chứ không phải giao riêng cho giám đốc làm thuê cho hội đồng quản trị của công ty cổ phần. Thu nhập ngoài lương của người lao động, kể cả giám đốc, được hưởng tỉ lệ thuận theo tỉ suất lợi nhuận trên vốn giao.

- Trong hệ thống kinh tế quốc doanh, đa số XNQD sẽ có cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn theo số vốn được giao và công khai rõ ràng trách nhiệm này với các đối tác. Riêng một số XNQD thuộc những ngành đặc biệt sẽ theo cơ chế trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ VDT thuộc NSNN.

- Chế độ bao cấp vốn cho XNQD phải chuyển thành chế độ mua bán vốn giữa pháp nhân XNQD với chủ đầu tư

(tổ chức được giao quản lý VDT thuộc NSNN).

Giá mua - bán vốn chính là "chi phí sử dụng vốn" nói trên. Đơn vị XNQD nào trả giá cao hơn sẽ được ưu tiên giao vốn bổ sung.

- Chính sách "tín dụng ưu đãi" phải chuyển thành chính sách "tín dụng bình đẳng" giữa các thành phần kinh tế và kể cả giữa các XNQD. Những "ưu đãi" đối với XNQD - cần và nhất thiết phải có để XNQD đủ thực lực tài chính làm tốt vai trò chủ đạo - nên được chế định trong một quy chế riêng giữa chủ đầu tư và các XN "con" trong hệ thống quốc doanh của mình, không nên đưa vào chính sách tài chính quốc gia.

- Chế độ kiểm toán và công khai hóa tài chính XNQD cần phải có và phải đưa vào Luật DNNN. Vì suy cho cùng, nguồn VDT từ NSNN giao cho các DNNN cũng từ nguồn thuế do nhân dân đóng góp là chủ yếu. Cũng tương tự như luật ở các nước khác đều buộc công ty cổ phần phải công khai tài chính cho công chúng biết rõ vì những công ty này có huy động và sử dụng vốn của công chúng.

Một chính sách như vậy rất cần được công khai hóa cho công chúng biết rõ để dễ dàng huy động vốn "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và quan trọng nhất là cho người dân thấy rõ được các loại thuế, lệ phí mà họ phải đóng góp cho NSNN đã được sử dụng có hiệu quả. Đó là trách nhiệm của vốn NSNN ở bất cứ giai đoạn nào, bất cứ nước nào cũng phải làm.

Tất nhiên những suy nghĩ nêu trên chưa thật đầy đủ và hoàn chỉnh thành một hệ thống cơ chế chính sách tài chính đối với khu vực quốc doanh. Nhưng đó là những nét cơ bản cần có để việc sử dụng VDT trong khu vực chủ đạo này đạt hiệu quả cao.

Tính đến ngày 31.8.9 Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư đã cấp 740 giấy phép với tổng số vốn đầu tư 6.325.063.895 USD. Trong đó có 625 dự án đã và đang trong quá trình triển khai. Với tổng số vốn 5.868.656.15 USD trong đó vốn pháp định là 3.571.366.336 USD. Số dự án đã hết hạn 10, số dự án giải thể 105. Trong các dự án đã được cấp giấy phép bởi VN góp 33,68% vốn pháp định, bởi nước ngoài đóng góp 66,32%. Vốn đầu tư nước ngoài được phân bổ như bảng sau: (không kể các dự án không thực thi)

Đánh giá tình hình chung đầu tư nước ngoài tại VN chúng tôi đưa ra những nhận xét sau đây.

a. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh qua các năm.

b. Quy mô đầu tư của các dự án còn nhỏ, trừ ngành dầu khí, giao thông và bưu điện, khách sạn, còn lại quy mô đầu tư bình quân ở các ngành công nông, lâm, ngư nghiệp đều có quy mô dưới 10 triệu USD.

c. Đầu tư nước ngoài đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế VN tăng trưởng, và giải quyết những vấn đề KT-XH cấp bách, thiếu vốn, tỉ trọng thất nghiệp lớn, mạng lưới hệ thống thông tin yếu kém. Cụ thể với tổng số vốn thực góp trên dưới 1,5 tỉ USD tương đương 15.000 tỉ đồng VN đã giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn người lao động. Điển hình nhất là sự hợp tác của Tổng công ty bưu chính viễn thông VN với các tập đoàn lớn của thế giới: OTC (Úc) Si-men (CHLB Đức), An-caten (Pháp), Dai-u (Nam Triều Tiên) đã làm thay đổi cơ bản hoạt động thông tin liên lạc của VN chỉ trong vòng 5 năm.

d. Vốn đầu tư của các dự án tập trung chủ yếu ở ngành CN, dầu khí và khách sạn trên 80% dự án. Trong khi đó những ngành được coi là thế mạnh như nông, lâm, ngư nghiệp lại ít được chú ý đầu tư (chiếm 8,7% tổng số vốn đầu tư). Đặc biệt rất ít dự án đầu tư vào hạ tầng cơ sở, mà lạc hậu về hạ tầng cơ sở là trở ngại lớn nhất cho công cuộc phát triển kinh tế ở VN.

Theo đánh giá của 1 chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực ĐTQT thì để cải tạo và xây dựng hạ tầng cơ sở cho VN, một đất nước với hơn 320 nghìn km² và hơn 70 triệu dân thì từ nay đến năm 2000 ta cần đầu tư ít nhất là 40 tỉ USD.

đ. Một hạn chế khác là sự mất cân đối trong phân bổ vốn đầu tư nước ngoài giữa các vùng và lãnh thổ trên cả nước. Mặc dù từ năm 1992 đã bắt đầu xuất hiện xu hướng chuyển dịch đầu tư ra Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc, nhưng đến nay phần lớn các dự án vẫn tập trung ở TP.HCM và các